TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 777/2023/HC-PT
Ngày 27 tháng 10 năm 2023

V/v khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh
Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 657/2022/TLPT-HC ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", do Bản án hành chính sơ thẩm số 45/2022/HC-ST ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11809/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ D, phường P, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Văn Minh N, Luật sư của Công ty L1; địa chỉ: Số A, Lô C P, Đại lộ T, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Viết Đ, Luật sư của Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S: Ông Phạm Tiến D, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai (Văn bản ủy quyền ngày 22/8/2022).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn N1; địa chỉ: Tổ A, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

- Người kháng cáo: Anh Nguyễn Trung H (Là người khởi kiện).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Văn Minh N, ông Nguyễn Viết Đ có mặt; phía người bị kiện và ông Nguyễn Văn N1 có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là anh Nguyễn Trung H, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh H trình bày:

Năm 1998, bố anh H là ông Nguyễn Văn N1 có mua lại thửa đất vườn của ông Nguyễn Hữu C và bà Bùi Thị B để canh tác, diện tích khoảng l.600m^2, giá nhận chuyển nhượng là 10.000.000 đồng, địa chỉ thửa đất tại Tổ 11b, thị trấn S (nay là Tổ D, phường P) thị xã S, tỉnh Lào Cai. Nguồn gốc thửa đất được ông C, bà B sử dụng ổn định từ năm 1982 để trồng cây, trên đất có một ngôi nhà gỗ nhưng đã bị hư hỏng mục nát.

Sau khi nhận chuyển nhượng, ông N1 giao cho anh H sử dụng trồng cây ăn quả, rau màu liên tục được khoảng 10 năm thì đến năm 2007 Ban Quản lý dự án 661 huyện S lấy diện tích 1.190m^2 đất anh H đang canh tác để làm trụ sở. Anh H không nhận được thông báo hay quyết định gì từ Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là: UBND) huyện S, Ban Quản lý dự án 661 huyện S và các ngành có liên quan. Việc thu hồi 1.190m^2 đất của gia đình anh H đang có tài sản trên đất mà không có bất cứ trình tự thủ tục nào, không phê duyệt phương án bồi thường là chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai. Phần diện tích còn lại khoảng hơn 400m^2 gia đình anh H vẫn tiếp tục sử dụng, đến ngày 23/3/2015 anh H được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là: GCNQSD đất) số B0756997, vào sổ số CH00013 đối với diện tích 423,5m^2 đất trồng cây hàng năm khác.

Đối với 1.190m^2 đất đã bị thu hồi năm 2007 nêu trên: Ngày 29/8/2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S có văn bản áp giá bồi thường, hỗ trợ với số tiền là 665.865.000 đồng, nhưng sau đó số tiền không được chi trả cho gia đình anh. Năm 2019, UBND phường P, thị xã S tiếp quản phần đất trên để làm trụ sở trong thời gian chờ xây dựng trụ sở mới, nhưng cũng không thông báo gì cho gia đình anh H biết. Gia đình anh H đã nhiều lần làm đơn đến UBND huyện S (nay là UBND thị xã S) nhưng chưa được giải quyết dứt điểm. Tại thời điểm Ban Quản lý dự án 661 huyện S

lấy đất làm trụ sở năm 2007, cây cối hoa màu trên đất của gia đình anh còn nhiều, bị chặt phá không được thống kê bồi thường là không đúng quy định của pháp luật.

Ngày 10/5/2022, anh H có đơn đề nghị gửi UBND thị xã S xem xét trả lại diện tích đất đang sử dụng làm trụ sở UBND phường P cho gia đình anh. Ngày 06/6/2022, Chủ tịch UBND thị xã S ban hành Văn bản số 1471/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của anh H và cho rằng nguồn gốc đất là đất vườn ươm của Đội 1 Lâm trường S là không có căn cứ. Kèm theo Văn bản số 1471/UBND-TNMT là Thông báo số 73/TB-TNMT ngày 17/9/2007 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L có nội dung xác định ranh giới, diện tích 6.205,8m^2 đất để thực hiện dự án xây dựng trụ sở làm việc Ban Quản lý dự án 661 huyện S. Kèm theo Thông báo là sơ đồ thửa đất bị thu hồi, thửa đất anh H sử dụng trong sơ đồ là thửa số 97 tờ bản đồ P7-28 có diện tích đất trong phạm vi bị thu hồi là 1.193,7m^2.

Vì vậy anh H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy Văn bản số 1471/UBND-TNMT ngày 06/6/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc trả lời đơn của anh Nguyễn Trung H;

- Buộc UBND thị xã S phải thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật. Cụ thể là bàn giao lại cho anh H phần diện tích 1.193,7m^2 đất trong thửa đất số 97, tờ bản đồ P7-28 để anh H tiếp tục được sử dụng.

2. Ý kiến của người bị kiện:

Tại Văn bản số 2034/UBND-TNMT ngày 25/7/2022, người đại diện hợp pháp của UBND thị xã S trình bày:

Ngày 03/10/2006, Sở T phối hợp với Sở Xây dựng, UBND huyện S, Chi cục Lâm nghiệp, Vườn Quốc gia H và các cơ quan: Phòng Kinh tế Hạ tầng, phòng T, UBND thị trấn S, Ban Quản lý dự án 661 huyện S đã xác định quỹ đất dự kiến giao cho Ban Q cơ sở huyện S1 để xây dựng trụ sở làm việc với diện tích khoảng 5.000 m^2, vị trí là khu vườn ươm của Đội 1 Lâm trường Sa Pa cũ, nguồn gốc đất: Là diện tích đất của vườn ươm của Lâm trường Sa Pa cũ, UBND tỉnh L đã thu hồi chuyển sang cho Ban Quản lý dự án 661 cơ sở huyện Sa Pa tại Quyết định số 669/QĐ-CT ngày 02/4/2002.

Ngày 17/9/2007, Sở T ban hành Thông báo số 73/TB-TNMT về việc thông báo quỹ đất để thực hiện dự án xây dựng công trình Trụ sở Ban Quản lý dự án 661 cơ sở huyện Sa Pa với tổng diện tích là 6.205m^2; địa điểm khu đất: Khu vườn ươm của Đội 1 Lâm trường Sa Pa cũ, thuộc Tổ A, thị trấn S. Theo Bản đồ đo đạc giải thửa năm 2000 thị trấn S, thửa đất trên thuộc thửa số 96, 97 tờ bản đồ P7-28 (472378-2-b) mang tên Lâm trường S. Do đó khẳng định đây là đất của vườn ươm của Lâm trường Sa Pa. Ngày 06/6/2022, Chủ tịch UBND thị xã S trả lời anh Nguyễn Trung H tại Văn bản số 1471/UBND-TNMT là đúng, đảm bảo quy định pháp luật. Do đó anh H yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 1471/UBND-TNMT của Chủ tịch UBND thị xã S và buộc UBND

thị xã S bàn giao lại diện tích đất 1.193,7m^2 là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung H.

3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1:

Năm 1998, ông có nhận chuyển nhượng thửa đất vườn của ông Nguyễn Hữu C và bà Bùi Thị B để canh tác có diện tích khoảng 1.600m^2 với giá 10.000.000 đồng đúng như anh H đã khai. Sau khi mua đất, ông N1 đã giao thửa đất trên cho con trai là anh H canh tác, trồng rau màu ổn định. Đến năm 2007, Ban Quản lý dự án 661 huyện S đã lấy 1.193,7m^2 của anh H để làm trụ sở nhưng đến nay anh H vẫn chưa được thống kê, bồi thường đối với diện tích trên. Ông N1 hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung H.

4. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 45/2022/HC-ST ngày 26 tháng 10 năm 2022, Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung H về việc yêu cầu: Hủy Văn bản số 1471/UBND-TNMT ngày 06/6/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S, tỉnh Lào Cai về việc trả lời đơn; buộc UBND thị xã S, tỉnh Lào Cai phải thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật, cụ thể là bàn giao lại cho anh H phần đất trong thửa đất số 97, tờ bản đồ P7-28, diện tích 1.193,7m^2 để anh H tiếp tục được sử dụng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên anh H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

5. Kháng cáo:

Ngày 06/11/2022, người khởi kiện là anh Nguyễn Trung H có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

6.1. Người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Trung H giao nộp thêm một số tài liệu, chứng cứ và phát biểu ý kiến như sau:

Khu đất anh H khiếu kiện trước đây là khu biệt thự của Pháp bị đổ nát để lại bãi đá ngổn ngang. Hộ bà B là công nhân Lâm trường Sa Pa được vận động khai hoang những khu đất trống không có người sử dụng để canh tác phát triển kinh tế gia đình đã bỏ nhiều công sức dọn đá, san gạt được khoảng 5.000m^2 từ những năm 1979 - 1980 để canh tác; đến năm 1998 thì bà B nhượng lại cho ông N1 khoảng 1.600m^2 đất, trên đất có ngôi nhà gỗ; sau đó ông N1 cho con trai là anh H tiếp tục canh tác. Năm 2007, Ban Quản lý dự án 661 lấy hơn 1000 m^2 đất của anh H làm trụ sở nhưng không có văn bản thu hồi đất, chưa bồi thường. Những sự việc trên có nhiều người làm chứng,

trong đó có ông Đào Duy H1 nhà gần vị trí đất này biết rõ đã khẳng định hộ bà B canh tác từ năm 1979, Lâm trường Sa Pa chưa bao giờ quản lý, sử dụng khu đất này.

Đối với những tài liệu do phía người bị kiện giao nộp cho Tòa án gồm: Bản đồ địa chính năm 2000 thể hiện các thửa 96, 97 ghi là đất "Vườn" và không có chữ "Lâm trường Sa Pa" như UBND cung cấp trước đây tại cấp sơ thẩm. Biên bản giao nhận diện tích đo đạc thì tại trang ghi ngày 26/4/2001 phía bên nhận có chữ ký ông Nguyễn Văn K (đại diện Lâm trường S) thể hiện bên đo đạc bàn giao 21 thửa đất, trong đó có thửa 96 và thửa 97 lại có dấu hiệu sửa chữa tên các thửa đất, phần tờ bản đồ cũng bị sửa chữa. Tại sổ mục kê đất, những trang trong sổ không có chữ ký, không đóng dấu giáp lai, có chữ ghi tay nhưng lại là chữ phô tô và căn cứ vào quy định tại tiểu mục 3.1.3 mục 3 Phần II Quyết định số 499-QĐ/ĐC ngày 27/7/1995 của Tổng cục Địa chính thì sổ mục kê phải được UBND xã xác nhận, Sở địa chính duyệt nhưng sổ mục kê do người bị kiện cung cấp lại do Phòng Địa chính huyện S phê duyệt là trái thẩm quyền.

Tại Thông báo số 73/TB-TNMT ngày 17/9/2007 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L có nội dung xác định ranh giới, diện tích 6.205,8m^2 đất để xây trụ sở 661, UBND huyện S phối hợp với chủ đầu tư thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trên thực tế chỉ có 02 hộ tự nguyện giao mặt bằng là hộ anh H bàn giao 1.190m^2 và hộ ông Trần Văn T, bà Vũ Thị M bàn giao 600m^2; phần đất còn lại của 02 hộ này vẫn được cấp GCNQSD đất hoặc quy chủ, cụ thể:

- Một phần đất còn lại của hộ anh H cùng thửa đất bị thu hồi có diện tích 423,5m^2 được UBND huyện S cấp GCNQSD đất số B0756997 ngày 23/3/2015, anh H đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị B1 ngày 08/8/2022.

- Đối với hộ ông T, bà M: một phần đất thuộc thửa 96, tờ bản đồ P7-28 lập năm 2000 sau khi bị thu hồi thì diện tích còn lại là thửa 28 diện tích 646m^2 và thửa số 46 diện tích 273,1m^2 được cấp trích lục ngày 24/6/2022 theo tờ bản đồ số 69 lập năm 2018; toàn bộ diện tích đất 222m^2 thuộc thửa 88 tờ bản đồ P7-28 lập năm 2000 chưa bị thu hồi đã được quy chủ tại sổ mục kê. Sau khi hộ ông T, bà M bị thu hồi khoảng 600m^2 đất để xây dựng trụ sở 661, ngày 06/01/2011 ông T mới được Ban Q bồi thường 10 triệu đồng tiền cây và ghi trong giấy biên nhận là "Sáu trăm mét vuông đất nông nghiệp chưa thanh toán". Ngày 18/7/2011, bà M vợ ông T làm đơn đề nghị bồi thường tiền đất 600m^2 thì được BQL xác nhận nội dung là đúng và đề nghị Hội đồng giải phóng mặt bằng xem xét bồi thường. Ông T và bà M đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai và đã được thẩm định. Theo biên bản và sơ đồ thẩm định cho thấy, hộ ông T có 933,2m^2 đất nằm trong ranh giới bị thu hồi nhưng thực tế chỉ có 163,1m^2 được sử dụng xây trụ sở 661 và 60m^2 đang là nhà tạm của Công an phường; phần diện tích đất còn lại gia đình vẫn đang sử dụng và được quy chủ.

Ngoài ra, hộ ông Trần Đức S cũng là đối tượng có đất bị thu hồi trong Thông báo số 73 nêu trên nhưng lại không bị thu hồi, đã được cấp GCNQSD đất gồm: *Thửa*

thứ nhất, GCNQSD đất số BV599517 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 21/12/2016 diện tích 120m^2 đất ở đô thị (nhà nước giao đất có thu tiền) có vị trí giáp đất nhà ông T, anh H, giáp đường bê tông đi vào trạm địa từ. Nguồn gốc diện tích đất này là do ông S mua lại của ông bà C, B. Ngày 22/10/2021 ông S đã chuyển nhượng cho bà Trần Thanh X; *thửa thứ hai,* GCNQSD đất vào sổ số CH00727 do UBND huyện S cấp ngày 25/12/2019 diện tích 752,8m^2 đất NHK (công nhận quyền sử dụng đất) có vị trí giáp đất nhà ông T, anh H, giáp đường bê tông đi vào trạm địa từ. Nguồn gốc diện tích đất này cũng là do ông S mua lại của ông bà C, B.

Như vậy, theo các giấy tờ nêu trên cho thấy UBND thị xã S đã thừa nhận nguồn gốc sử dụng đất là không phải của Lâm trường Sa Pa mà là của các hộ dân. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình anh H theo hướng sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung H.

6.2. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục Luật Tố tụng hành chính quy định. Tòa án cấp phúc thẩm đã nhiều lần triệu tập đầy đủ, hợp lệ những người tham gia tố tụng đến phiên tòa nhưng phía người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là đúng quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng có mặt chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Hồ sơ vụ án thể hiện năm 1994 UBND tỉnh L có quyết định giao đất cho Lâm trường S nhưng tại bản đồ giao đất không thể hiện cụ thể các thửa đất trong khu vực giao đất. Theo biên bản giao đất, sổ mục kê thì xác định thửa 96, 97 nằm trong diện tích đất vườn ươm của lâm trường nhưng có tài liệu lại bị tẩy xóa. Trong khi đó, có nhiều người làm chứng xác định ông C, bà B khai phá khu đất là nền biệt thự cũ của Pháp từ trước năm 1980, sau đó chuyển nhượng lại cho ông N1 và ông N1 giao cho anh H sử dụng trồng trọt cây cối, hoa màu. Mặt khác, trong giai đoạn phúc thẩm, phía người khởi kiện đã giao nộp thêm một số tài liệu, chứng cứ thể hiện phần diện tích còn lại của thửa đất số 97 sau khi thu hồi và những thửa 96, 88, 102 đã bị thu hồi năm 2007 nhưng sau này vẫn được cấp GCNQSD đất cho người dân. Từ những nội dung phân tích ở trên cho thấy, việc UBND thị xã S trả lời khiếu kiện với gia đình anh H là chưa có căn cứ vững chắc; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung H.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, người đại diện hợp

pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại "Đơn đề nghị" đề ngày 10/5/2021 của anh Nguyễn Trung H gửi Chủ tịch UBND tỉnh L và Chủ tịch UBND thị xã S (UBND thị xã S nhận ngày 13/5/2022) với nội dung đề nghị xem xét trả lại diện tích 1.190m^2 đất của gia đình anh đang sử dụng bị thu hồi để xây dựng trụ sở Ban Quản lý dự án 661 vào năm 2007, hiện UBND phường P đang sử dụng làm trụ sở trong thời gian xây dựng trụ sở mới. Ngày 06/6/2022, Chủ tịch UBND thị xã S ban hành Văn bản số 1471/UBND-TNMT trả lời đơn của anh H với nội dung: *"Diện tích 1.190 m^2 đất trong đơn anh Nguyễn Trung H đang đề nghị được trả lại cho gia đình anh trước đây là đất của vườn ươm của Lâm trường Sa Pa cũ. Do đó, việc anh Nguyễn Trung H đề nghị trả lại diện tích đất trên cho gia đình anh là không có cơ sở để xem xét giải quyết"*.

Xét nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng diện tích đất anh Nguyễn Trung H có khiếu kiện thì thấy:

[1] Theo lời trình bày của anh H tại "Đơn đề nghị" đề ngày 10/5/2021, Đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án thì: năm 1998 bố anh H là ông Nguyễn Văn N1 mua lại thửa đất vườn, diện tích khoảng l.600m^2 tại Tổ 11b, thị trấn S (nay là Tổ D, phường P, thị xã S) của ông Nguyễn Hữu C và bà Bùi Thị B để canh tác; sau đó ông N1 cho anh H toàn bộ thửa đất này để sử dụng trồng đào, mận, tống quấn sủi. Nguồn gốc diện tích đất trên là do ông C, bà B khai hoang, sử dụng ổn định để trồng cây từ năm 1982, trên đất có một ngôi nhà gỗ nhưng đã bị hư hỏng mục nát. Năm 2007, Ban Quản lý dự án 661 lấy một phần diện tích của thửa đất anh H đang sử dụng (diện tích 1.190m^2) để xây dựng trụ sở, gia đình anh H đã nhiều lần đề nghị nhưng vẫn chưa được thống kê, bồi thường; phần diện tích còn lại (423,2m^2 đất trồng cây hàng năm khác) gia đình anh H vẫn tiếp tục sử dụng và đã được UBND huyện S cấp GCNQSD đất ngày 23/3/2015.

[2] Xem xét các tài liệu, chứng cứ do anh H và người đại diện hợp pháp của anh H giao nộp để chứng minh về nguồn gốc diện tích đất anh H sử dụng bị thu hồi năm 2007 thể hiện như sau:

(1) Tại văn bản viết tay "Giấy mua bán đất" đề ngày 10/4/1998 thể hiện: bà Bùi Thị B chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N1 mảnh đất vườn diện tích khoảng 1.600m^2 tại Tổ 11b, thị trấn S, có các cạnh tiếp giáp: phía Đông giáp hộ ông bà Gái Ú, phía Nam giáp đường đi địa từ, phía Bắc giáp ông bà Miên T1, phía Tây giáp đất nhà bà Cư B2 (phần còn lại); giá chuyển nhượng là 10.000.000 đồng; trên đất có 50 cây đào, 40 cây mận và 60 cây tống quấn sủi; nguồn gốc "Lô đất này gia đình bà Bùi Thị B khai phá và trồng cây cối hoa màu từ năm 1982 và đến nay không có tranh chấp với ai". "Giấy mua bán đất" có chữ ký của hai bên chuyển nhượng, không có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (bút lục: 19).

(2) Tại các Biên bản làm việc do Luật sư Văn Minh N (là người đại diện hợp pháp của anh H) ghi lại lời trình bày của một số người chứng kiến sự việc thể hiện:

Tại Biên bản làm việc ngày 23/6/2022, bà Bùi Thị B (sinh năm 1956, cư trú tại Tổ B phường S) trình bày: Năm 1978, bà cùng khoảng 500 người từ Vụ Bản, Nam Định đi sung kích lên S theo chủ trương của Nhà nước. Tại S, bà được phân công cùng 150 người làm việc tại Tổ 2 Lâm trường S; đến năm 1979, bà được chuyển đến làm việc tại Tổ A L S và sau khi lập gia đình với ông Nguyễn Hữu C thì gia đình bà được Lâm trường giao cho 400m^2 đất ở. Khi đó, bà thấy phía trước lô đất của bà có khu đất hoang, trên đất có các nhà xây bằng đá của P bỏ lại đã bị đổ nát nên gia đình bà đã dọn dẹp để trồng đào, quất, tống quấn sủi; cả khu đất đó chưa bao giờ là vườn ươm của Lâm trường. Năm 1998, bà chuyển nhượng cho ông N1 một phần diện tích khoảng 1.600m^2 đất; năm 2000 bà chuyển nhượng cho ông S khoảng 1.500m^2; phần diện tích đất còn lại khoảng 500m^2 bà cho 02 người con gái làm nhà ở cho đến nay (bút lục: 22).

Tại Biên bản làm việc ngày 26/6/2022, ông Đào Duy H1 (sinh năm 1954, cư trú tại Tổ D phường P) trình bày: Năm 1978 ông từ Nam Định lên công tác tại Lâm trường S, đến năm 1984 ông được giao làm Đội trưởng Đội 1 quản lý từ 40 đến 50 công nhân. Ông xác nhận khu đất xây trụ sở 661 có nguồn gốc do các hộ dân khai hoang từ năm 1979, trong đó có hộ ông C bà B. Khu đất đó trước đây người Pháp làm biệt thự để ở, sau đó bị phá hủy thời kỳ kháng chiến, các hộ phát dọn, san gạt mới trồng được cây cối. Khi ông làm Đội trưởng Đội 1 có được bàn giao diện tích đất vườn ươm khoảng 02ha tại khu mỏ quạ (nay là khu nhà nghỉ của Công ty B3 4 phường P), Lâm trường Sa Pa chưa bao giờ sử dụng khu vực xây trụ sở 661 làm vườn ươm (bút lục: 28).

Tại Biên bản làm việc ngày 25/6/2022, ông Trần Khắc L trình bày: Năm 1978 ông từ Nam Định lên làm việc ở Lâm trường S, đến năm 1989 thì ông làm Đội trưởng Đội 1 của Lâm trường Sa Pa có quản lý ông Trần Văn T, bà Bùi Thị B và khoảng 30 công nhân khác. Các công nhân được vận động khai hoang vỡ hóa các khu đất không có người sử dụng để phát triển kinh tế gia đình. Ông biết khu đất xây dựng trụ sở 661 nay UBND phường P đang sử dụng trước đây là vị trí khu nhà xây bằng đá từ thời Pháp để lại và bị đổ nát từ lâu, đất đá bừa bộn phải mất nhiều công phát dọn mới trồng cây được; khoảng năm 1982 có hộ ông C bà B khai phá khoảng 1500m^2 để trồng đào, mận, tống quấn sủi. Lâm trường Sa Pa chưa bao giờ sử dụng làm vườn ươm (bút lục: 26).

Tại các Biên bản làm việc ngày 20/6/2022, 26/6/2022, các ông Trần Đức S (sinh năm 1959), ông Trần Văn T (sinh năm 1959) đều cư trú tại phường P cũng trình bày: Các ông ở V, Nam Định lên làm ở Lâm trường S và có đất cùng khu vực ông C bà B đều chứng kiến việc ông C bà B khai hoang sử dụng đất từ khoảng năm 1980 tại vị trí khu nhà xây bằng đá từ thời Pháp bị đổ nát; ông T cũng khai phá được khoảng 850m^2

vào năm 1979. Ông S, ông T đều xác định khu đất này chưa bao giờ Lâm trường S sử dụng làm vườn ươm. Năm 1992 ông S có mua của ông C bà B khoảng 1.000m^2, sau đó đã được cấp GCNQSD đất ở và đất vườn; phần đất còn lại giáp thửa đất của ông thì ông C bà B bán cho ông N1 năm 1998 (bút lục: 20, 24).

[3] Về phía người bị kiện, quá trình giải quyết đơn đề nghị của anh Nguyễn Trung H và sau này là quá trình tố tụng tại Tòa án, UBND thị xã S đều xác định nguồn gốc đất là khu vườn ươm của Lâm trường Sa Pa trên cơ sở:

"Ngày 03/10/2006, Sở T phối hợp với Sở Xây dựng, UBND huyện S, Chi cục Lâm nghiệp, Vườn Quốc gia H và các cơ quan: Phòng Kinh tế Hạ tầng, phòng T, UBND thị trấn S, Ban Quản lý dự án 661 huyện S đã xác định quỹ đất dự kiến giao cho Ban Q cơ sở huyện S1 để xây dựng trụ sở làm việc với diện tích khoảng 5.000 m^2; vị trí là khu vườn ươm của Đội 1 Lâm trường Sa Pa cũ; nguồn gốc đất: Là diện tích đất của vườn ươm của Lâm trường Sa Pa cũ, UBND tỉnh L đã thu hồi chuyển sang cho Ban Quản lý dự án 661 cơ sở huyện Sa Pa tại Quyết định số 669/QĐ-CT ngày 02/4/2002.

Ngày 17/9/2007, Sở T ban hành Thông báo số 73/TB-TNMT về việc thông báo quỹ đất để thực hiện dự án xây dựng công trình Trụ sở Ban Quản lý dự án 661 cơ sở huyện Sa Pa với tổng diện tích là 6.205m^2; địa điểm khu đất: Khu vườn ươm của Đội 1 Lâm trường Sa Pa cũ, thuộc Tổ A, thị trấn S.

Theo Bản đồ đo đạc giải thửa năm 2000 thị trấn S, thửa đất trên thuộc thửa số 96, 97 tờ bản đồ P7-28 (472378-2-b) mang tên Lâm trường S. Do đó khẳng định đây là đất của vườn ươm của Lâm trường Sa Pa".

[4] Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, phía người khởi kiện (ông Văn Minh N) đã giao nộp một số tài liệu, chứng cứ mới có nội dung thể hiện như sau:

(1) GCNQSD đất số BO 756997 của UBND huyện S cấp ngày 23/3/2015 cho hộ ông Nguyễn Trung H đối với diện tích 423,2m^2 đất trồng cây hàng năm khác tại địa chỉ: Tổ A, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai (ngày 05/5/2021 thay đổi địa chỉ thửa đất thành Tổ dân phố số D, phường P, thị xã S, tỉnh Lào Cai) với nguồn gốc sử dụng: "Công nhận QSD đất như Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất", ghi chú: "Số hiệu và diện tích thửa đất chưa được xác định theo bản đồ địa chính"; tại trang sơ đồ thửa đất thể hiện diện tích đất trên có cạnh phía Tây giáp "Ban QLDA 661". Trong hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất trên có Đơn đăng ký cấp GCNQSD đất của anh H đề ngày 25/01/2015, tại mục nguồn gốc sử dụng anh H kê khai: "Gia đình tự khai phá và sử dụng ổn định"; mục xác nhận của UBND thị trấn S: "Nguồn gốc sử dụng: Gia đình tự khai phá" và mục ý kiến của cơ quan đăng ký đất đai: "Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất theo Điều 99 của Luật Đất đai năm 2013".

(2) GCNQSD đất số BV 599517 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 21/12/2016 cho ông Trần Đức S đối với diện tích 120,0m^2 đất ở tại đô thị với nguồn gốc sử dụng: "Nhận thừa kế được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất"

và GCNQSD đất của UBND huyện S cấp ngày 25/12/2019 cho hộ ông Trần Đức S đối với diện tích 725,8m^2 đất trồng cây hàng năm khác với nguồn gốc sử dụng: "Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất"; các thửa đất trên đều có địa chỉ: Tổ A, thị trấn S, huyện S.

(3) Một số tài liệu khác có liên quan đến khiếu kiện của hộ ông Trần Văn T, bà Vũ Thị M đối với diện tích đất bị thu hồi năm 2008 để xây dựng trụ sở Ban quản lý rừng phòng hộ, giáp thửa đất anh H khiếu kiện.

[5] Theo yêu cầu của Tòa án, ngày 12/10/2023 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L có Văn bản số 2976/STNMT-CCĐ "V/v cung cấp hồ sơ, tài liệu" với nội dung có ý kiến về một số tài liệu có liên quan và giao nộp thêm một số tài liệu (bản sao) như sau:

(1) Quyết định số 474/QĐ-UB ngày 31/12/1994 của UBND tỉnh L về việc giao đất cho doanh nghiệp Nhà nước và một số tài liệu kèm theo.

(2) Bản đồ khu vực xin giao đất cho Lâm trường Sa Pa trong địa phận thị trấn S tỷ lệ 1/25.000.

(3) Tờ bản đồ địa chính P7-28 (472378-2-b), tỉ lệ 1:1000, T vẽ năm 2000 và sổ mục kê đất lập cho tờ bản đồ địa chính này.

(4) Biên bản giao nhận diện tích đo đạc lập ngày 26/3/2001 có nội dung giao nhận 21 thửa đất thuộc tờ bản đồ địa chính P7-28 (472378-2-b), tỉ lệ 1:1000, thị trấn S đo vẽ năm 2000.

(5) Quyết định số 669/QĐ-CT ngày 02/4/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc thu hồi đất lâm nghiệp của Lâm trường Sa Pa.

(6) Thông báo số 73/TB-TNMT ngày 17/9/2007 của Sở T thông báo quỹ đất để thực hiện Dự án xây dựng công trình Trụ sở làm việc Ban Q cơ sở huyện S1.

[6] Tổng hợp ý kiến của các bên đương sự, lời trình bày của những người làm chứng và xem xét toàn diện những tài liệu, chứng cứ do các bên giao nộp ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh Nguyễn Trung H trình bày về nguồn gốc diện tích có khiếu kiện là do ông Nguyễn Hữu C, bà Bùi Thị B khai hoang từ nền khu biệt thự cũ của Pháp bị đổ nát và đã sử dụng liên tục từ những năm 1980, đến năm 1998 thì ông C, bà B chuyển nhượng cho ông N1; anh H là người được ông N1 giao cho quản lý, sử dụng liên tục đến năm 2007 thì Ban Quản lý dự án 661 lấy một phần diện tích để làm trụ sở là phù hợp với lời trình bày của những người làm chứng (gồm những người đã làm việc tại Lâm trường S từ thời điểm 1978; trong đó có: bà B là người chuyển nhượng đất cho ông N1, ông H1 và ông L nguyên là Đội trưởng Đội 1 Lâm trường S thời kỳ bà B khai hoang, sử dụng đất) và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ là các văn bản do các cơ quan có thẩm quyền lập trong quá trình giải quyết đơn đề nghị của anh H từ năm 2013 cho đến khi anh H khởi kiện.

Mặt khác, xem xét các tài liệu do các đương sự mới giao nộp kết hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy: Tại "Bản đồ khu vực xin giao đất cho Lâm trường Sa Pa trong địa phận thị trấn S tỷ lệ 1/25.000" do Sở T mới cung cấp (được hiểu là kèm theo Quyết định số 474/QĐ-UB ngày 31/12/1994 của UBND tỉnh L về việc giao đất cho doanh nghiệp Nhà nước) không thể hiện cụ thể các thửa đất trong khu vực giao đất và cũng không thể hiện có thửa đất nào do tổ chức hoặc hộ gia đình, cá nhân khác đang sử dụng đất. Đến khi đo vẽ tờ bản đồ địa chính thị trấn S số P7-28 năm 2000 thì tại vị trí tương ứng với khu đất của tờ bản đồ xin giao đất cho Lâm trường Sa Pa năm 1994 thể hiện có thửa đất số 96, 97 và rất nhiều thửa đất lân cận khác có các ký hiệu "T", "ĐM", "Vườn", "RTS", "XD"… nhưng đa số các thửa không thể hiện tên chủ sử dụng đất. Đối với "Biên bản giao nhận diện tích đo đạc" lập ngày 26/3/2001 thì tại trang này thể hiện có 21 thửa đất, trong đó có các thửa đất số 96, 97, 102, 125 được ký hiệu là loại đất "Vườn" lại có dấu hiệu bị sửa chữa cả về số thửa đất, diện tích và loại đất; cùng trang này cũng thể hiện các thửa đất số 110, 111, 132, 137 là loại đất "V.ươm" và các thửa đất còn lại là loại đất "T/cư". Còn tại Quyết định số 669/QĐ-CT ngày 02/4/2002 của UBND tỉnh L về việc thu hồi đất lâm nghiệp của Lâm trường Sa Pa thì thể hiện nội dung: "Diện tích thu hồi 4.407,8ha; địa điểm tại các xã L, thị trấn S, xã S và xã T…; lý do: Không còn nhu cầu sử dụng để chuyển sang sử dụng cho dự án trồng mới 5 triệu ha rừng". Ngoài ra, phần diện tích còn lại của thửa đất số 97 và một số thửa lân cận mặc dù cùng nằm trong khu đất để thực hiện dự án xây dựng trụ sở Ban Quản lý dự án 661 theo Thông báo số 73/TB-TNMT nhưng thực tế không bị thu hồi thì sau này vẫn được cấp GCNQSD đất cho người dân.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định diện tích đất anh H có khiếu kiện nằm trong khu vực Lâm trường S quản lý theo Quyết định số 474/QĐ-UB ngày 31/12/1994 của UBND tỉnh L nêu trên. Tuy nhiên trên thực tế thì trước đó khu đất này đã được các hộ dân (trong đó có gia đình ông C, bà B; sau đó đến ông N1, anh H) sử dụng từ những năm 1980 cho đến khi bị thu hồi (năm 2007); không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ban hành quyết định thu hồi đất theo quy định tại Điều 21 của Luật Đất đai năm 1993: "Việc quyết định giao đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được tiến hành sau khi có quyết định thu hồi đất đó" trước khi quyết định giao đất cho Lâm trường S2; cũng không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện Lâm trường S đã trực tiếp quản lý, sử dụng khu đất trên để làm "vườn ươm" như phía người bị kiện trình bày. Đối với tờ bản đồ địa chính thị trấn S số P7-28 đo vẽ năm 2000 thể hiện có thửa đất số 97, theo nội dung đánh giá ở trên thì mặc dù tại "Biên bản giao nhận diện tích đo đạc" lập ngày 26/3/2001 có dấu hiệu bị sửa chữa nhưng cũng thể hiện thửa đất số 97 là loại đất "Vườn" chứ không phải là loại đất "V.ươm" như các thửa đất khác cùng trang của Biên bản.

Tại "Đơn đề nghị" đề ngày 10/5/2021, anh H đã trình bày rõ ràng về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất là do ông C, bà B khai hoang sử dụng liên tục từ năm 1982, đến năm 1998 bố anh là ông Nguyễn Văn N1 nhận chuyển nhượng từ ông C, bà

B và giao cho anh tiếp tục sử dụng liên tục cho đến khi Ban Quản lý dự án 661 lấy một phần để xây dựng trụ sở vào năm 2007. Tuy nhiên khi giải quyết đơn đề nghị của anh H, UBND thị xã S chưa xem xét đầy đủ, toàn diện về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất như những nội dung phân tích ở trên; cũng chưa làm rõ lý do tại sao "Biên bản giao nhận diện tích đo đạc" lập ngày 26/3/2001 và sổ mục kê lại ghi tên chủ sử dụng đất là "Lâm trường S" mà chỉ căn cứ vào các tài liệu được lập từ năm 2000 về sau (gồm: Biên bản xác định cụ thể quỹ đất dự kiến giao cho Ban quản lý dự án 661 cơ sở huyện Sa Pa để xây dựng trụ sở lập ngày 03/10/2006; Thông báo số 73/TB-TNMT ngày 17/9/2007 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L về "Quỹ đất để thực hiện Dự án xây dựng công trình Trụ sở làm việc Ban quản lý dự án 661 cơ sở huyện Sa Pa" và Bản đồ đo đạc giải thửa P7-28 (472378-2-b) thị trấn S đo vẽ năm 2000), từ đó kết luận diện tích 1.190m^2 đất trong đơn anh H đề nghị trả lại cho gia đình là "đất của vườn ươm của Lâm trường Sa Pa cũ" là chưa bảo đảm khách quan và căn cứ pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, do các đương sự chưa giao nộp đầy đủ tài liệu, chứng cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do các đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 83 của Luật Tố tụng hành chính thì không đủ cơ sở để xác định nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất như anh H trình bày. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện của anh H về việc hủy Văn bản số 1471/UBND-TNMT ngày 06/6/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S, lỗi hoàn toàn là do các đương sự.

Tuy nhiên, theo những nội dung phân tích ở trên thì trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, các đương sự đã giao nộp bổ sung một số tài liệu, chứng cứ quan trọng mà căn cứ vào đó kết hợp với những tài liệu, chứng cứ do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập thì có đủ cơ sở để xác định việc Chủ tịch UBND thị xã S ban hành Văn bản số 1471/UBND-TNMT ngày 06/6/2022 là chưa khách quan, chưa có đủ căn cứ pháp luật. Do đó, kháng cáo của anh Nguyễn Trung H, ý kiến của người đại diện hợp pháp, ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu tại phiên tòa là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo đó, cần sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu hủy Văn bản số 1471/UBND-TNMT ngày 06/6/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S "V/v trả lời đơn đề nghị của ông Nguyễn Trung H…" để UBND thị xã S thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định xem xét lại toàn diện, khách quan nguồn gốc, thời điểm bắt đầu sử dụng đất cũng như quá trình quản lý, sử dụng diện tích đất anh H khiếu kiện; từ đó, căn cứ vào quy định của pháp luật qua các thời kỳ và hiện hành để làm cơ sở giải quyết đơn đề nghị của anh H đối với phần diện tích 1.193,7m^2 đất thuộc thửa số 97, tờ bản đồ P7-28 cho đúng quy định của pháp luật.

[7] Đối với yêu cầu khởi kiện của anh H về việc buộc UBND thị xã S phải bàn giao lại cho anh 1.193,7m^2 đất: Yêu cầu khởi kiện này cũng chính là nội dung trong đơn đề nghị của anh H đối với UBND thị xã S. Theo những kết quả phân tích ở trên

đã xác định Văn bản số 1471/UBND-TNMT ngày 06/6/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S là chưa có đủ căn cứ pháp luật, được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận hủy để UBND thị xã S thực hiện nhiệm vụ, công vụ giải quyết lại đơn đề nghị của anh H đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu của anh H về việc được trả lại hay được bồi thường, hỗ trợ đối với 1.193,7m^2 đất thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ P7-28 thuộc trách nhiệm của UBND thị xã S khi xem xét, giải quyết lại đơn của anh H.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính và khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên anh Nguyễn Trung H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, án phí hành chính sơ thẩm được xác định lại theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Đất đai qua các thời kỳ.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348, khoản 2 Điều 349 Luật tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 32, khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 45/2022/HC-ST ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung H: Hủy toàn bộ Văn bản số 1471/UBND-TNMT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai "V/v trả lời đơn của ông Nguyễn Trung H, tổ D, phường P". Buộc Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ xem xét, giải quyết lại toàn bộ đơn đề nghị ngày 10 tháng 5 năm 2021 của anh Nguyễn Trung H theo đúng quy định của pháp luật.

1.2. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

- Trả lại cho anh Nguyễn Trung H 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm do bà Nguyễn Thị X1 đã nộp thay anh H tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000188 ngày 08/7/2022.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Anh Nguyễn Trung H không phải chịu; trả lại cho anh Nguyễn Trung H 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí hành chính

phúc thẩm do ông Nguyễn Văn N1 đã nộp thay anh H tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000253 ngày 16/11/2022.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 27 tháng 10 năm 2023).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Điền